

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HN-ST

Ngày: 03-4-2018

Về việc “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Cheo

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn không tham gia phiên tòa.*

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 25-8-2017 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lê Hoàng Đ, sinh năm 1992; cư trú: khóm N, thị trấn B, huyện T1, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* chị Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1993; cư trú: ấp V, xã V1, huyện T1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* chị Lê Kim T, sinh năm 1985; cư trú: khóm N, thị trấn B, huyện T1, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, anh Lê Hoàng Đ trình bày: anh chị tự tìm hiểu, yêu thương nên anh và chị Lê Thị Ngọc V tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung; mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và bất mãn với đời sống vợ chồng nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Do vợ chồng không thể hàn gắn nên xin được ly hôn; vì vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, chị Lê Thị Ngọc V thống nhất với trình bày của anh Lê Hoàng Đ về quan hệ hôn nhân, thống nhất về quá trình chung sống của vợ chồng, về con chung và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Tuy nhiên, chị V có yêu cầu được chia 10.000.000 đồng từ tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe nhãn hiệu Exciter biển số 67N1-215.59 mà anh Đ đã bán cho chị Lê Kim T với giá 30.000.000 đồng.

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Lê Kim T xác nhận vào ngày 18-3-2017 có mua xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 của anh Lê Hoàng Đ với giá 30.000.000 đồng và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nên chị không đồng ý đây là tài sản chung của anh Đ - chị V.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên trình bày. Anh Lê Hoàng Đ đồng ý chia cho chị Lê Thị Ngọc V 10.000.000 đồng nhưng đề nghị cho anh thời gian 09 tháng sẽ giao số tiền trên cho chị V; chị V thống nhất với đề nghị của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lê Thị Ngọc V là bị đơn, có nơi cư trú tại xã V1, huyện T1, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình – xin ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Lê Hoàng Đ và chị Lê Thị Ngọc V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc và hôn nhân của anh Đ - chị V cũng vì mục đích đó; tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng của anh chỉ hạnh phúc được một khoảng thời gian và bắt đầu xuất hiện những mâu thuẫn từ việc anh chị không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình trạng anh chị không còn quan tâm, chia sẻ, động viên nhau xây dựng gia đình mà đỉnh điểm mâu thuẫn là anh anh đã sống ly thân từ đầu năm 2017 và trong suốt thời gian ly thân, anh chị không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình đã cho thấy anh chị không còn yêu thương nhau và vì thế đã chứng tỏ mục đích hôn nhân của anh chị đã không đạt được. Hiện tại, anh chị cũng thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của anh Lê Hoàng Đ về việc ly hôn với chị Lê Thị Ngọc V là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: theo anh Lê Hoàng Đ, vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, chị Lê Thị Ngọc V lại cho rằng xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 do chị Lê Kim T đứng tên giấy đăng ký xe là tài sản chung của vợ chồng mà anh Lê Hoàng Đ đã bán cho chị Lê Kim T với giá 30.000.000 đồng sau khi vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị cũng thống nhất với việc mua bán này và yêu cầu được chia 10.000.000 đồng.

Từ việc các đương sự thừa nhận nguồn gốc, việc mua bán xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 đã đủ cơ sở xác định tài sản chung của vợ chồng anh Lê Hoàng Đ và chị Lê Thị Ngọc V là 30.000.000 đồng có được từ việc bán xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 cho chị Lê Kim T. Do là tài sản chung của vợ chồng nên khi ly hôn về nguyên tắc chia đôi; tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung, theo thỏa thuận, anh Lê Hoàng Đ sẽ giao cho chị Lê Thị Ngọc V số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Chị Lê Kim T là chị ruột của anh Lê Hoàng Đ và chị biết rõ xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 là tài sản chung của anh Lê Hoàng Đ và chị Lê Thị Ngọc V nhưng chị và anh Đ vẫn xác lập việc mua bán chiếc xe mô tô nói trên mà không có sự thống nhất ý kiến của chị V là đã vi phạm các Điều 24, 26 và 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 trong việc định đoạt tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, do chị Lê Thị Ngọc V đồng ý việc anh Đ bán tài sản chung là xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 cho chị Lê Kim T nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết tuyên hợp đồng mua bán xe mô tô Exciter biển số 67N1-215.59 được xác lập giữa anh Lê Hoàng Đ và chị Lê Kim T vô hiệu.

[6] Về án phí: anh Lê Hoàng Đ là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên anh phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; đồng thời, anh Lê Hoàng Đ và chị Lê Thị Ngọc V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm được tính tương ứng với tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 56 và 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Hoàng Đ.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lê Thị ngọc V.

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Hoàng Đ được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc V.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung:

Anh Lê Hoàng Đ được sở hữu 20.000.000 đồng (do anh Đ quản lý).

Anh Lê Hoàng Đ có nghĩa vụ giao cho chị Lê Thị Ngọc V số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Anh Lê Hoàng Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018009 ngày 25-8-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn và sau khi khấu trừ, anh Lê Hoàng Đ còn phải nộp 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Ngọc V phải nộp 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018028 ngày 13-9-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn và sau khi khấu trừ, chị Lê Thị Ngọc V được nhận lại 650.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng